

XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI: KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bùi Việt Hưng*

Kết cấu hạ tầng có vai trò cực kỳ quan trọng, tạo điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Bài viết này giới thiệu những nỗ lực của thành phố Hà Nội thời gian qua trong xây dựng kết cấu hạ tầng; đúc kết những thành tựu cũng như nêu ra những tồn tại hạn chế mà Hà Nội cần có biện pháp cải thiện trong thời gian tới.

1. Hạ tầng giao thông

a. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, Thành phố Hà Nội đã quan tâm chỉ đạo, tập trung đầu tư, phát triển và quản lý hệ thống hạ tầng giao thông vận tải, có những bước chuyển biến tích cực. Trên cơ sở định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Thành phố đã triển khai nghiên cứu các quy hoạch chuyên ngành: Quy hoạch phát triển giao thông vận tải, Quy hoạch phát triển vận tải thủy, Quy hoạch phát triển vận tải Đường sắt đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Đồng thời, huy động nguồn vốn đầu tư thực hiện các đề án, kế hoạch, dự án có tính cấp thiết nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc về giao thông đô thị, phát triển giao thông nông thôn theo chương trình phát triển nông thôn mới (giai đoạn 2010 - 2020 và định hướng đến năm 2030) trong chương trình công tác của Thành ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Nhiều công trình giao thông đã được xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả

như: Cầu Vĩnh Tuy; Đường Quốc lộ 32; Đường Lạc Long Quân; Đường chợ 19/12; Đường Vành đai 3 (Cầu Thanh Trì - Mai Dịch); Đại lộ Thăng Long; Đường Kim Liên - Ô Chợ Dừa; nút ngã tư Sở; nút ngã tư Vọng; hầm Kim Liên; đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài; Cầu Tô; Cầu Bươu; Đường Phúc La - Văn Phú; Đường trục phía Bắc Hà Đông; đường Lê văn Lương kéo dài; đường 77; Đường 73 (Ba Thá - Miếu Môn); Cầu Đen; cầu Phùng; Đường 74; Cầu Phùng Xá; Cầu Hoà Thạch; đường 78; đường 75B; đường 88; đường 80; các cầu cho người đi bộ và nhiều tuyến đường chính liên Huyện, liên xã và đường trong các khu đô thị mới ... Đang tiếp tục thực hiện đường vành đai 1, vành đai 3 trên cao, đường Văn Cao - Hồ Tây, Thái Hà - Láng v.v...

Đã triển khai xây dựng cấp bách một số cầu vượt tại các nút giao thông có mật độ giao thông cao, trong đó, đã áp dụng công nghệ mới sử dụng kết cấu thép lắp ghép với tải trọng nhẹ để đẩy giải quyết cấp bách nhu cầu về giao thông. 02 cầu vượt dự kiến hoàn thành công trình vào tháng 6/2012: nút Láng Hạ - Thái Hà; nút Chùa Bộc - Thái Hà. Dự kiến

* Bùi Việt Hưng, Thạc sỹ kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

tháng 3/2012 triển khai xây dựng 03 cầu vượt: nút Nguyễn Chí Thanh - đường Láng; nút Lê Văn Lương - đường Láng; nút Nam Hồng - Bắc Thăng Long - Nội Bài để hoàn thành vào quý IV/2012.

Mạng lưới giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư; Tính đến nay, tổng số km đường giao thông nông thôn đã được phủ mặt (mặt đường nhựa, bê tông xi măng, lát gạch ...) đạt trên 8.043,1 km, chiếm 62,13%.

Thực hiện duy tu, duy trì đảm bảo an toàn giao thông đối với 1.715 km đường và cầu. Đã hoàn thành công tác tiếp nhận và đưa vào quản lý, duy tu hơn 160 km đường, cầu do Bộ Giao thông vận tải bàn giao quản lý như đường quốc lộ 2, 3, 6, 32, 21, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Đại lộ Thăng Long, đường vành đai 3 đoạn Khuất Duy Tiến - Linh Đàm, cầu Phùng, một số cầu và hầm đi bộ...

Triển khai các giải pháp tổ chức giao thông như: tăng cường lực lượng phân luồng giao thông, tổ chức giao thông linh hoạt các nút, điều chỉnh chu kỳ đèn tín hiệu giao thông, bổ sung biển báo, kẻ sơn tổ chức giao thông, điều chỉnh dải phân cách tại các nút giao; tổ chức phân làn, tách dòng phương tiện trên các tuyến phố trục chính, tổ chức giao thông tuyến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ... Tổ chức duy tu sửa chữa và lắp mới hệ thống đèn tín hiệu giao thông, tổ chức giao thông tại các nút giao thông quan trọng như: Nút Khuất Duy Tiến - Nguyễn Trãi; Nút Thanh Niên - Yên Phụ; Nút giao đường Cát Linh La Thành Thái Hà Láng với đường Thái Hà, đường Láng; Nút Trần Duy Hưng - Phạm Hùng, Nút Trôi - Quốc lộ 32, Nút Phùng - Quốc lộ 32; cải tạo hệ thống hạ tầng, tổ chức giao thông tại khu vực nút giao Cầu vượt Mai Dịch; kết hợp tham duy tu và duy tu hệ thống sơn kẻ, biển báo trên một số tuyến đường trọng điểm của Thành phố...

Nhiều điểm đỗ xe và bến xe quy mô lớn

đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: Bến xe Yên Nghĩa (7.0ha); điểm đỗ xe Dịch Vọng (diện tích 15.279m², sức chứa 230 xe); điểm đỗ xe Gia Thụy (diện tích 12.933m², sức chứa 180 xe) và nhiều điểm đỗ xe, trông giữ xe khác đã góp phần giải quyết một phần nhu cầu đỗ xe ngày càng cao của nhân dân.

Hoạt động vận tải hành khách công cộng chủ yếu vẫn là xe buýt nhưng đã có sự phát triển nhanh chóng: Từ năm 2001, số lượng xe buýt là 237 xe, vận chuyển khoảng 19,7 triệu lượt hành khách đó tăng lên 1.254 xe và vận chuyển được 446,7 triệu lượt khách năm 2011; Hoạt động vận tải hành khách liên tỉnh cũng ngày càng phát triển, đáp ứng cơ bản nhu cầu đi lại của nhân dân (đến năm 2011 có trên 550 tuyến vận tải hành khách liên tỉnh, vận chuyển được 57,1 triệu lượt khách).

b. Những tồn tại, hạn chế

- Kết cấu hạ tầng giao thông vận tải còn nhiều bất cập, thiếu một mạng lưới hạ tầng giao thông khung. Tỷ lệ quỹ đất dành cho giao thông quá thấp (hiện tại chỉ chiếm khoảng 7 - 8% diện tích đất xây dựng đô thị), trong khi đó, theo quy hoạch xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ đất dành cho giao thông ở khu vực đô thị trung tâm là 20-25% (mức yêu cầu hợp lý cho một đô thị hiện đại). Mật cắt ngang các tuyến đường phần lớn là hẹp (mật cắt 11m chỉ chiếm khoảng 30%) và có quá nhiều nút giao đồng mức. Mạng lưới giao thông đường bộ chưa được kết nối hoàn chỉnh để tạo thành mạng lưới đồng bộ, đặc biệt chưa có tuyến Vành đai nào hoàn chỉnh theo quy hoạch;

- Phương tiện giao thông cá nhân tăng quá nhanh (khoảng 15% năm), trong khi đó, tỷ lệ đất dành cho nhu cầu dừng, đỗ xe còn thấp (mới chỉ đáp ứng 10% nhu cầu dừng, đỗ xe); hệ thống bến, bãi, điểm đỗ xe thiếu về số lượng và phân bố không đều nên nảy sinh

hiều bất cập, chất lượng dịch vụ chưa cao. Hệ thống vận tải hành khách công cộng chưa phát triển (chỉ có loại hình xe buýt và mới đáp ứng được khoảng 8-9% nhu cầu đi lại).

- Việc phát triển đô thị chưa đồng bộ với phát triển hạ tầng giao thông vận tải, việc kết nối giữa đô thị trung tâm với ngoại thành và các tỉnh lân cận còn hạn chế: nhiều khu vực xây dựng thêm nhiều chung cư cao tầng nhưng mạng lưới đường giao thông, bãi đỗ xe không phát triển tăng thêm; nhiều khu đô thị mới xây dựng chưa có hệ thống giao thông hoàn chỉnh kết nối với mạng lưới đường hiện có, thiếu các cầu vượt sông, hoặc có cầu nhưng là cầu cũ, tải trọng thấp không đáp ứng được nhu cầu giao thông đi lại của nhân dân, nhất là ở một số khu vực các huyện ngoại thành.

- Mạng lưới vận tải thủy kém phát triển, các đường thủy nội địa lạc hậu về công nghệ, giao thông kết nối không thuận lợi.

- Hệ thống giao thông nông thôn và nội đồng trên địa bàn Thành phố chưa được cứng hoá hoàn toàn (vẫn còn khoảng 4.903,4 km/12.946,5 km là đường đất và đường cấp phối).

2. Hạ tầng cung cấp điện

a. Kết quả đạt được

Nhìn chung trong giai đoạn vừa qua Chính phủ; UBND Thành phố và Sở Công thương Hà Nội; Tập đoàn điện lực Việt Nam và Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội (đơn vị trực tiếp quản lý vận hành cung cấp điện cho Hà Nội) đã quan tâm đầu tư xây dựng các công trình nguồn và lưới điện đáp ứng cơ bản nhu cầu phụ tải cho phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô. Hệ thống đường dây và trạm biến áp được xây dựng ngày càng nhiều, chú trọng hơn về chất và độ tin cậy, tăng cường ổn định và an toàn hơn trong cấp điện. Các quy định và hướng dẫn thực hiện

quy hoạch điện đã và đang được xây dựng nhằm đồng bộ hóa và theo kịp với các quy định chung, đáp ứng cho yêu cầu thực tế trước mắt cần phải có để thực hiện quy hoạch được phê duyệt. Công tác quản lý quy hoạch điện cũng đang bước đầu đi vào nề nếp, tăng cường hơn tính hệ thống và chiều sâu chất lượng quản lý.

Đến năm 2010 lưới điện Thủ đô Hà Nội đã được đầu tư phát triển bao gồm: về trạm biến áp đầu tư phát triển được: 1 trạm 500kV, 5 trạm 220kV, 33 trạm 110kV, 32 trạm trung gian và 7.314 trạm phân phối; về đường dây đầu tư phát triển được: 37km ĐZ 500kV, 247km ĐZ 220kV, 623km 110kV, 6.725km DZ trung áp, 102.434 km DZ hạ áp và 1,7 triệu công tơ. Điện thương phẩm toàn thành phố đạt 8,9 tỷ kWh, công suất cực đại là 1.922MW, tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm giai đoạn 2001-2005 là 12,79% và giai đoạn 2006-2010 là 11,61%; tổn thất điện năng: 8,1%. Tổng số vốn đã đầu tư cho phát triển điện lực khoảng 5.000 tỷ đồng.

b. Những hạn chế, tồn tại

- Lưới điện Thành phố có độ dự phòng cung cấp điện ở mức hạn chế, luôn trong tình trạng căng thẳng do nguồn cung cấp điện không đáp ứng được tức thời nhu cầu tăng cao của phụ tải, đặc biệt là khu vực nông thôn, vào giờ cao điểm và trong mùa nắng nóng.

- Độ tin cậy của lưới điện không cao, chưa đảm bảo tiêu chuẩn cấp điện an toàn, khả năng hỗ trợ cấp điện linh hoạt rất hạn chế mỗi khi lưới bị sự cố. Các trạm 220kV chưa được đưa sâu vào khu vực trung tâm Thành phố nên tình trạng cung cấp điện bất ổn khi các tuyến 110kV cấp điện cho nội đô luôn trong tình trạng đầy và quá tải.

Khu vực tả và hữu ngạn sông Hồng lưới điện chưa có sự liên kết nên nguồn cấp điện

cho Hà Nội từ hai phía không hỗ trợ được nhau khi một phía nguồn bị thiếu.

Chất lượng điện năng chưa thực sự đảm bảo đặc biệt là khu vực nông thôn, tổn thất điện năng lưới điện hạ áp còn ở mức cao, trung bình khoảng 20%, điện áp cuối nguồn một số khu vực còn thấp hạn chế nhiều đến việc tiêu dùng điện cho đời sống cơ bản của người dân.

Mặc dù tiến trình hiện đại hóa lưới điện (ngầm hóa đường dây điện, chuyển đổi lưới 6, 10kV về 22kV để thống nhất quản lý vận hành ở cấp 22-35kV, lắp đặt công tơ điện tử, lắp đặt hệ thống scada cho lưới truyền tải,...) trong 5 năm gần đây đã diễn ra tích cực, mỹ quan đô thị nhất là khu vực nội thành và các khu đô thị mới đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, lưới điện trung áp còn tồn tại nhiều cấp điện áp nên hạn chế rất nhiều khả năng linh hoạt hỗ trợ cung cấp điện mỗi khi lưới bị sự cố; lưới điện được quản lý theo phương pháp thủ công là chủ yếu nên phải tập trung nhiều nhân lực lãng phí, không hiệu quả; ban hành nhiều quy định về hạ ngầm các đường dây điện 220, 110kV trong khi công nghệ thi công, quản lý vận hành cấp ngầm 220, 110kV chưa được làm chủ được dẫn đến bị động, không kiểm soát được, đặc biệt là khi gặp sự cố.

3. Hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Hiện trạng kết cấu hạ tầng

* Các công trình thủy lợi:

Hồ chứa nước: Số hồ chứa nước : 96 hồ; Dung tích hữu ích: 194,13 triệu m³; Ngoài ra còn có trên 140 đầm, ao chứa nước, bãi dâng nước

Về trạm bơm điện: Tổng số trạm bơm tưới, tiêu: 1.849 trạm với 3.968 máy bơm các loại, trong đó:

+ Trạm bơm tưới: 1.297 trạm với 1936 máy bơm các loại;

+ Trạm bơm tiêu: 270 trạm với 1.108 máy bơm các loại;

+ Trạm bơm tưới, tiêu kết hợp: 282 trạm với 924 máy bơm các loại.

Hệ thống kênh mương: Hệ thống kênh mương tưới tiêu có 10.058 tuyến với chiều dài 10.651 km, trong đó đã được kiên cố hóa là 1.933 km.

* Các công trình đê điều

- Có 20 tuyến đê chính với tổng chiều dài đê sông : 469,8 km, đến hết năm 2011 cơ bản đã được cứng hóa mặt;

Ngoài ra còn có 25 tuyến đê bồi thuộc các tuyến sông Đà, sông Hồng, sông Đuống với tổng chiều dài 73,1 km.

Trên các tuyến sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Tích có 116 hệ hồ chắn, với chiều dài gần 139,6 km;

- Trên các tuyến đê có 197 cống dưới đê; 228 cửa khẩu qua đê; 386 điểm canh đê và hệ thống kho bãi vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

b. Tổn tại, hạn chế

Hệ thống công trình thủy lợi: Hiện trạng hệ thống công trình tưới tiêu hiện nay cơ bản đảm bảo đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông nghiệp trong điều kiện thời tiết bình thường, tuy nhiên khoảng gần 80% các công trình đầu mối tưới được xây dựng từ những năm 60,70 hiện tại đã xuống cấp, hiệu suất hoạt động thấp, chi phí điện năng cao; hệ thống kênh mương tưới đa số là kênh đất (mới kiên cố hóa được trên 20%) tổn thất nước lớn; công trình đầu mối các hồ chứa nước đa phần đã xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn hồ đập, lòng hồ bị bồi lắng làm giảm dung tích ảnh hưởng đến phục vụ sản xuất;

+ Hiện trạng hệ thống công trình tiêu: các công trình đầu mối tiêu cũng đã xuống cấp, năng lực chỉ đáp ứng được khoảng 80% yêu cầu tiêu hiện tại; hệ thống kênh tiêu bị bồi lắng gây ách tắc cản trở dòng chảy; hệ thống công trình tiêu cho nông nghiệp hiện nay chỉ đáp ứng được với trận mưa dưới 250 mm trong 3 ngày, nếu xuất hiện mưa trên diện rộng với lượng mưa từ 250 - 300 mm trong 3 ngày thì diện tích có thể bị ngập úng khoảng 35 - 40 nghìn ha;

- Hệ thống công trình dề điều: mặt cắt dề nhiều đoạn chưa hoàn chỉnh, chưa đủ độ dốc mái dề, thiếu cơ thượng, hạ lưu; dề nhiều đoạn có nền địa chất xấu, nhiều hồ đầm ao ven dề nên trong mùa lũ thường xuất hiện mạch sủi, giếng sủi; bờ sông do ảnh hưởng của sự thay đổi thời tiết, dòng chảy gây ra hiện tượng sạt lở mạnh đe dọa an toàn dề điều, sản xuất và đời sống của nhân dân; các cống dưới dề đã được xây dựng từ lâu, đã xuống cấp là các trọng điểm trong mùa chống lũ bão.

4. Hạ tầng đô thị

a. Kết quả đạt được

- Các công trình, dự án thoát nước đô thị được tích cực triển khai, giảm bớt tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn xảy ra. Đã hoàn thành dự án Thoát nước giai đoạn 1, triển khai giai đoạn 2 nâng công suất trạm bơm Yên Sở $45\text{m}^3/\text{giờ}$ lên $90\text{m}^3/\text{giờ}$, triển khai thi công Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở, Bấy Mẫu, cải tạo vét bùn, kè 4 sông thoát nước, 53 hồ ao Đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thoát nước mùa mưa hàng năm. Trong đó thi công một số công trình chống úng ngập cục bộ; chú trọng thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trên các đường giao thông cạnh các tuyến mương sông thoát nước; tổ chức nạo vét các tuyến sông đảm bảo khả năng đưa nước

nhanh nhất về trạm bơm Yên Sở; Kiểm soát và khống chế mực nước trên hệ thống cống, kênh, mương và hồ điều hoà để đảm bảo khả năng thoát nước và tiêu úng nhanh nhất; Duy tu, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo hoạt động 100% công suất của trạm bơm đầu mối Yên Sở, hồ điều hoà Yên Sở vv...

Hoàn thành trình Thành phố phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung quy mô lớn nhằm cải thiện môi trường Hà Nội tại Yên Xá, Thanh Trì, Hà Nội. Thực hiện công tác CBDT dự án xây dựng các hệ thống thu gom nước thải và các nhà máy xử lý nước thải cục bộ tại quận Hà Đông, thị xã Sơn Tây.

- Đưa vào sử dụng nguồn nước mặt từ nhà máy nước mặt sông Đà, hoàn thành xây dựng Nhà máy nước Gia Lâm (giai đoạn 2), mở rộng mạng cấp nước tại các khu vực: Cầu Giấy, Đống Đa, Thanh Xuân, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Long Biên và một phần của huyện Từ Liêm, Hoàng Mai, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì. Công suất cấp nước sạch từ 800.000 - 830.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Tỷ lệ người dân đô thị hưởng nước sạch đạt 97%; với tiêu chuẩn trung bình 130 $\text{lít}/\text{người}/\text{ngày đêm}$. 650.000 $\text{m}^3/\text{ngđ}$ lên 785.000 $\text{m}^3/\text{ngđ}$; Đầu tư phát triển hệ thống hệ thống mạng truyền dẫn và phân phối cho các khu vực còn thiếu mạng lưới cấp nước trên địa bàn Hoàng Mai, Thanh Trì, Hà Đông. Thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án mở rộng hệ thống cấp nước cho huyện Đan Phượng và 17 xã huyện Hoài Đức sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước mặt sông Đà; Dự án nâng công suất trạm cấp nước Phú Xuyên lên 7.000 $\text{m}^3/\text{ngđ}$ và mở rộng hệ thống mạng cấp nước cấp cho thị trấn Phú Xuyên, Phú Minh và khu vực lân cận; dự án cấp nước quận Hà Đông để cấp cho các huyện Thanh Oai, Hoài Đức (3 xã An Khánh, La Phù, Đông La)...

- Công tác vệ sinh môi trường, xử lý rác

thải gần 5.000 tấn/ngày theo hướng mở rộng xã hội hoá. 98% chất thải rắn ở nội thành, 75% chất thải rắn ở ngoại thành được thu gom và xử lý. Tổng lượng chất thải rắn nguy hại của các bệnh viện, cơ sở y tế đã được thu gom, xử lý là 100,47 tấn/tháng.

Hoàn thành công tác CBĐT dự án xây dựng khu xử lý chất thải rắn Nam Sơn quy mô 106 ha (giai đoạn II). Thực hiện công tác CBĐT khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn - Sơn Tây 13 ha (giai đoạn II). Triển khai thi công hồ thu nước rác khẩn cấp khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn. Chuẩn bị đầu tư các khu xử lý rác ở các huyện: Chương Mỹ, Mỹ Đức, Đông Anh, Đan Phượng, Thạch Thất, Phú Xuyên, Ba Vì. Thực hiện CBĐT dự án xây dựng các Bãi đỗ phế thải xây dựng tại Hoài Đức, Đan Phượng, Thường Tín, Mê Linh, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, vv... Khởi công một số dự án xử lý rác thải bằng công nghệ tiên tiến như Nhà máy xử lý rác thải tại Việt Hùng (Đông Anh) bằng công nghệ Plasma, Nhà máy xử lý rác thải tại Xuân Sơn (Sơn Tây).

Tăng cường quản lý việc thi công các công trình, xây dựng các bãi chứa chất thải rắn, các điểm tập kết để trung chuyển đất thải, phế thải xây dựng, nhằm hạn chế về ô nhiễm trên địa bàn Thành phố.

Công viên Hòa Bình, Dịch Vọng và nhiều vườn hoa ở địa bàn các huyện được xây dựng, cải tạo. Đón đóc các nhà đầu tư khẩn trương hoàn thành công viên Yên Sở; Hoàn thành CBĐT để khởi công các dự án Khu công viên Bắc Mai Dịch, Công viên Nhân Chính trong năm 2012.

- Thực hiện CBĐT dự án mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ - Ba Vì; xây dựng nghĩa trang Minh Phú - Sóc Sơn. Nghiên cứu xây dựng cơ sở hỏa táng tại bản huyện: Mê Linh (Thanh Túoc), Chương Mỹ. Thực hiện công tác CBĐT xây dựng thêm một số nhà tang lễ

trên địa bàn quận Thanh Xuân, Hà Đông, Sơn Tây, Hoài Đức, Đan Phượng. Khởi công xây dựng một số nhà tang lễ trên địa bàn Đông Anh, Thanh Trì, Cầu Giấy.

- Công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị có đổi mới, nhiều cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành; phân cấp cho quận, huyện được mở rộng. Nhiều vấn đề đô thị bức xúc, một số việc tồn đọng lâu ngày được quan tâm giải quyết, xử lý dứt điểm...

b. Những tồn tại, hạn chế

Quy hoạch xây dựng, nhất là các qui hoạch hạ tầng kỹ thuật còn thiếu, chưa điều chỉnh kịp thời và thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Hạ tầng cấp và thoát nước; dịch vụ đô thị còn hạn chế: Khu vực ngoại thành còn thiếu nước sạch; đầu tư xây dựng Nhà máy nước sông Đà nhưng không đồng bộ mạng lưới đường ống để tiêu thụ tương ứng công suất 300.000m³/ngđ; nguồn nước sạch một số khu vực chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định. Hệ thống sông, mương chưa được cải tạo đồng bộ với hệ thống cống tiêu thoát nước nên khi lượng mưa hơn 172mm/2 ngày còn xuất hiện những điểm úng ngập cục bộ. Hệ thống chiếu sáng cho các ngõ xóm và khu dân cư tại các huyện ngoại thành còn thiếu. Tỷ lệ đất cây xanh bình quân mới đạt 5,7m²/người.

- Công tác xử lý, tiêu hủy, tái chế chất thải rắn hiện tại chủ yếu vẫn dựa vào chôn lấp hợp vệ sinh, việc xử lý chất thải rắn bằng công nghệ cao chưa được áp dụng rộng rãi, thiếu tập trung. Môi trường nước đang bị ô nhiễm nghiêm trọng trong khi đó hệ thống xử lý nước thải mới đáp ứng được 6,9% tổng lượng nước thải.

- Quá trình triển khai việc xã hội hoá

thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được nhà đầu tư. Một số công trình trọng điểm triển khai còn chậm, chưa đáp ứng tiến độ. Các thủ tục hành chính còn mất nhiều thời gian từ khâu quy hoạch, cung cấp thông tin qui hoạch, giao đất, chuẩn bị đầu tư, thiết kế đến thẩm định, phê duyệt dự án, giao đất, xác định nguồn gốc đất và công tác giải phóng mặt bằng. Quỹ nhà tái định cư bố trí cho các dự án HTKT còn gặp nhiều khó khăn.

5. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp

a. Kết quả đạt được

- Tổng diện tích khu, cụm công nghiệp đã và đang triển khai thực hiện 7.486 ha, bằng 61% diện tích qui hoạch phát triển, trong đó:

- + 03 khu công nghệ cao: 1.852 ha
- + 12 khu công nghiệp: 2.109 ha
- + 47 cụm công nghiệp: 2.942 ha
- + 54 cụm công nghiệp làng nghề: 583 ha

- Tổng diện tích khu, cụm công nghiệp đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đủ điều kiện giao đất cho các dự án đầu tư thứ phát: 3.650ha, bằng 49% diện tích thực hiện, trong đó:

- + Khu công nghệ cao: 300ha.
- + Khu công nghiệp: 1.200 ha
- + Cụm công nghiệp: 1.680 ha.
- + Cụm công nghiệp làng nghề: 470 ha.

Tính đến nay diện tích đất các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp của Thành phố có quy hoạch, đã đi vào sử dụng ước tính khoảng 3650 ha.

b. Những hạn chế, tồn tại

Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm CN triển khai chậm so với tiến độ. Các khu công nghiệp đều được đầu tư hạ

tầng một cách tương đối đồng bộ, còn các cụm, điểm công nghiệp thì việc đầu tư hạ tầng không được quan tâm một cách đúng mức ngoài việc giành quỹ đất (có cụm còn giao đất nguyên trạng cho các chủ đầu tư).

6. Hạ tầng thương mại

a. Những kết quả đạt được

Tính đến hết năm 2011, Hà Nội đã có 411 chợ lớn nhỏ, 20 TTMM các loại, 110 siêu thị, hàng trăm Cửa hàng tiện ích (CHTI) kinh doanh thực phẩm, rau an toàn theo chuỗi, 06 dự án giải mô công nghiệp tập trung, 05 dự án giải mô thủ công tập trung.

Việc phát triển mạng lưới chợ một cách đồng đều, phân bố hợp lý trên địa bàn đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Các chợ đầu mối vừa là nơi tập kết hàng hóa từ các địa phương trong cả nước và hàng nhập khẩu, vừa là nơi phát luồng hàng hóa cho các tỉnh. Các loại hình thương mại hiện đại như TTMM, siêu thị, CHTI phát triển mạnh đáp ứng cải thiện chất lượng cuộc sống, nhu cầu sử dụng dịch vụ chất lượng cao của người dân Thủ đô, góp phần đưa Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm thương mại lớn của cả nước và trong khu vực, phát triển thương mại dịch vụ theo hướng văn minh hiện đại.

b. Những tồn tại, hạn chế

- Một số công trình hạ tầng thương mại (chợ, TTMM) do đầu tư chưa đúng vị trí, địa điểm hoặc hình thức quy mô không phù hợp nên tổ chức đưa vào hoạt động không hiệu quả hoặc chậm tiến độ.

- Tình trạng chợ cóc, tụ điểm họp trên vỉa hè, chiếm lòng đường, việc lấn chiếm vỉa hè để kinh doanh của các hộ tư nhân vẫn diễn ra thường xuyên gây ách tắc giao thông, không đảm bảo mỹ quan đô thị, trật tự an ninh, VSATTP.

7. Hạ tầng thông tin

a. Kết quả đạt được

** Về hạ tầng mạng máy tính và viễn thông trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Hạ tầng mạng nội bộ của các cơ quan nhà nước Hà Nội: 100% các Sở, Ban, Ngành, Quận, Huyện, Thị xã đã có mạng nội bộ (mạng LAN) và kết nối Internet băng thông rộng: 16 quận, huyện, thị xã đã thực hiện kết nối đến cấp phường, xã (trên các đường ADSL-VPN)

Hạ tầng mạng diện rộng (WAN) của Thành phố đã triển khai tại 57 điểm kết nối từ Thành ủy, UBND thành phố tới các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã qua đường truyền cáp quang với tốc độ truyền dẫn trung bình là 25Mbps và cao nhất là 200Mbps, trong đó 51 điểm đã cung cấp đầy đủ dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến (VCS) và dịch vụ truy nhập Internet tốc độ cao. Đã quy hoạch xong địa chỉ IP mạng WAN Thành phố đến các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các xã, phường, thị trấn trực thuộc Thành phố và thống nhất phương án kết nối mạng WAN Thành phố vào mạng Truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước. Trung tâm Dữ liệu Thành phố được khánh thành và đi vào hoạt động, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật dùng chung phục vụ hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước Thành phố Hà Nội.

Phát triển hạ tầng mạng viễn thông: Cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại bao phủ toàn thành phố với dung lượng lớn, cung cấp đa dịch vụ như dịch vụ 3G, IPTV, VoD... các dịch vụ viễn thông và Internet được cung cấp với chất lượng tốt, giá cước rẻ. Phát triển mạng truy nhập băng rộng đảm bảo phát triển các ứng dụng trên mạng như: Chính phủ điện tử, thương mại điện tử. Năm 2010 đã có 04 nhà khai thác dịch vụ di

động được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép thử nghiệm dịch vụ 4G.

Thành phố Hà Nội đã hình thành về cơ bản hạ tầng mạng đảm bảo cho sự triển khai các ứng dụng Công nghệ thông tin trên phạm vi toàn Thành phố trong 5 năm tiếp theo, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử Thủ đô.

** Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và toàn bộ nền kinh tế Thủ đô*

Trong cơ quan nhà nước:

Tỷ lệ máy tính/CBCC của toàn thành phố đạt gần 90% và hầu hết được kết nối Lan và Internet về cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại về ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước: ứng dụng "một cửa điện tử" liên thông; cung cấp thông tin, dịch vụ công qua các trang thông tin điện tử của các đơn vị... Một số hệ thống thông tin CSDL quan trọng đang được triển khai như: HTTT Tài nguyên môi trường, HTTT Quy hoạch kiến trúc, HTTT quản lý các khu đô thị mới, CSDL dân cư, CSDL CBCCVC, CSDL hộ tịch, CSDL doanh nghiệp và Hộ kinh doanh cá thể... Ngoài ra một số một số CSDL, mềm chuyên ngành khác phục vụ công tác quản lý và các dịch vụ công trực tuyến được xây dựng và sử dụng trong nội bộ từng cơ quan; hệ thống giao ban trực tuyến của Thành phố đã đi vào hoạt động nhằm tạo môi trường làm việc điện tử giữa các cơ quan nhà nước. Một số mô hình thí điểm thực tiễn về ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng mô hình cơ quan điện tử đã hình thành và từng bước được hoàn thiện.

Trong các tổ chức, doanh nghiệp:

Đa số các doanh nghiệp đều đã đầu tư xây dựng hệ thống mạng máy tính nội bộ và kết nối Internet, từng bước triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý điều hành và hoạt động của doanh nghiệp.

*** Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin**

Theo số liệu khảo sát, thống kê, hiện tại toàn thành phố có khoảng 3.000 - 4.000 doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động liên quan đến CNTT. Tuy nhiên, thực tế thì có khoảng trên 2.000 doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực CNTT. Các doanh nghiệp CNTT chủ yếu thuộc thành phần kinh tế tư nhân và hoạt động tất cả các lĩnh vực như: phần mềm, phần cứng, nội dung số và dịch vụ CNTT.

Tính đến nay, toàn thành phố thu hút được trên 330 dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực CNTT với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt 1.755 triệu USD. Trong đó: dự án CNTT đầu tư tại các khu công nghiệp tập trung có 43 dự án với trên 1,6 tỷ USD, dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp tập trung có trên 280 dự án với trên 102 triệu USD. Nhật Bản hiện là quốc gia có số lượng dự án và số vốn đầu tư nước ngoài cao nhất trong lĩnh vực CNTT tại Hà Nội với 107 dự án, tổng số vốn đầu tư trên 1.475 triệu USD.

b. Những tồn tại, hạn chế

*** Về hạ tầng mạng máy tính và viễn thông trên địa bàn thành phố Hà Nội**

- Hạ tầng viễn thông của Thành phố phát triển "tự phát", ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị, vừa mất an toàn và lãng phí ngân sách nhà nước.

- Việc triển khai các dự án hạ ngầm, sắp xếp các đường dây, cáp di nổi đồng bộ với chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến phố lần đầu tiên được triển khai tại Hà Nội, đây là công việc khó khăn, phức tạp liên quan đến nhiều đơn vị quản lý, sử dụng nên việc triển khai các dự án tại một số quận, huyện, chủ đầu tư còn chậm.

- Kiến trúc hạ tầng mạng các cơ quan

chính quyền Thành phố đã được thiết lập về cơ bản, đảm bảo đi trước một bước, tạo điều kiện cho việc phát triển các hệ thống thông tin, ứng dụng CNTT cho hoạt động của các cơ quan chính quyền Thành phố. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu hạ tầng thông tin lâu dài của nền hành chính điện tử Hà Nội thì một số những vấn đề sau cần được lưu ý:

+ Năng lực hạ tầng mạng: khi các ứng dụng của nền hành chính điện tử được phát triển, năng lực hạ tầng cần đảm bảo cao hơn rất nhiều lần, tham khảo mô hình chính quyền điện tử của nhiều quốc gia thành công, thông thường hạ tầng mạng phải đảm bảo băng thông rộng cỡ hàng chục Gbps, đồng thời được sử dụng tài nguyên một cách linh hoạt đối với yêu cầu của các ứng dụng (năng lực quản lý tài nguyên).

+ Phạm vi bao phủ hạ tầng mạng: mô hình dịch vụ của nền hành chính điện tử Thành phố tương lai cần được phát triển đáp ứng nhu cầu mọi lúc, mọi nơi của công dân, với yêu cầu này hạ tầng mạng cần được kết nối đến các điểm công cộng, cũng như đa dạng về hình thức truy nhập (có dây, không dây, truy nhập qua máy tính, thiết bị di động, ...).

+ Giải pháp bảo mật và an toàn thông tin: Do hạ tầng mạng của Thành phố hiện tại được thiết lập trên hạ tầng mạng của Viễn thông Hà Nội, đây thực chất là mạng công cộng, đường mạng của cơ quan chính quyền Thành phố được chia sẻ với các dịch vụ công cộng khác của nhà cung cấp, vì vậy mức độ an toàn, bảo mật thông tin không thể đạt ở mức độ cao nhất.

*** Về ứng dụng công nghệ thông tin**

- Các cơ quan nhà nước chưa tận dụng hết hạ tầng thiết bị CNTT đã được đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị; hệ thống ATTT trong CQNN còn yếu; Hệ thống

thư điện tử chưa được triển khai tới 100% CBCCVC, ứng dụng phần mềm QLVB&HSCV chưa áp dụng trong khâu điều hành tác nghiệp; ứng dụng một cửa, một cửa điện tử liên thông tại các Sở Ngành còn yếu, ứng dụng "Một cửa điện tử" tại các quận/huyện mới dừng ở phân tiếp nhận và trả kết quả TTHC, chưa áp dụng trong khâu xử lý và liên thông trong nghiệp vụ giải quyết TTHC. Ứng dụng CNTT trong điều hành tác nghiệp của hệ thống chính quyền các huyện phía Tây còn yếu. Hầu hết các website, cổng thông tin của các CQNN chỉ đạt ở mức công bố thông tin, giao dịch với công dân và doanh nghiệp hầu như không có.

- Thành phố chưa hình thành các hệ thống thông tin quan trọng và CSDL dùng chung phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và làm nền tảng cho phát triển các ứng dụng hành chính công. Các ứng dụng chuyên ngành trong các CQNN hầu hết được phát triển độc lập, các cơ sở dữ liệu nhỏ lẻ không được chuẩn hóa nên khó tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin.

** Về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin*

- Số doanh nghiệp có qui mô lớn vẫn ít, năng lực cạnh tranh, khả năng thâm nhập thị trường CNTT quốc tế của các doanh nghiệp vẫn còn yếu, số lượng và chất lượng nhân lực CNTT chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường. Hơn nữa các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực CNTT vẫn mang nặng yếu tố tự phát theo xu hướng phát triển của thị trường.

- So với một số địa phương trong cả nước, thành phố Hà Nội còn chậm hơn trong việc phát triển các khu CNTT tập trung - một trong những giải pháp trọng tâm nhằm phát triển công nghiệp CNTT. Thành phố Hà Nội chưa có các khu Công nghiệp CNTT nào đã được xây dựng, triển khai để thu hút các

doanh nghiệp vào đầu tư và hoạt động.

8. Hạ tầng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.

a. Giáo dục và đào tạo

** Kết quả đạt được*

- Giai đoạn 2000 - 2010, ngành GD&ĐT Thủ đô Hà Nội đã có sự phát triển về mọi mặt ở tất cả các cấp bậc học, ngành học, đặc biệt là quy mô giáo dục và đào tạo các cấp. Mạng lưới các trường học mầm non, tiểu học và THCS đã được phân bố ở 577 xã phường thị trấn trên địa bàn của 29 quận, huyện và thị xã. Thành phố hiện có 2.434 trường học các cấp, trong đó có 653 trường đạt chuẩn quốc gia, có 121 cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Chương trình kiên cố hoá, hiện đại hoá trường học được ưu tiên đầu tư, số trường đạt chuẩn quốc gia tăng nhanh.

Mô hình trường dân lập, tư thục và nhiều cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài đã dẫn đi vào hoạt động nền nếp, có hiệu quả, thu hút được các nguồn lực xã hội đầu tư cho GD&ĐT Thủ đô phát triển bền vững.

** Một số tồn tại, hạn chế*

- Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở khu vực ngoại thành nhiều nơi còn thiếu CSVC, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi (mầm non). Giáo dục phổ thông thiếu nhiều phòng học bộ môn, phòng thực hành, thí nghiệm, bài tập, nhà thể chất,... Các trường học của các cấp học còn thiếu nhiều diện tích đất, bình quân diện tích đất tính theo m^2/HS còn thấp, đặc biệt ở các quận nội thành, khu đô thị (Khu vực 1 và 2), tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia còn chậm.

- Mạng lưới trường học còn nhiều bất cập, chưa hợp lý, một số trường học khu vực nội thành có số học sinh/lớp, số lớp/trường cao hơn nhiều so với quy định. Còn nhiều trường

ngoài công lập chưa có cơ sở vật chất riêng, phải thuê, mượn ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục toàn diện.

- Hiện nay chưa hình thành được mạng lưới giáo dục hiệu quả:

- Chính sách huy động nguồn lực phát triển GD&ĐT Thủ đô còn chậm đổi mới, chưa khuyến khích và tạo điều kiện cho các lực lượng xã hội đầu tư phát triển giáo dục, chưa khai thác tối đa nguồn lực xã hội trong việc phát triển giáo dục ngoài công lập. Đầu tư từ NSNN cho ngành GD&ĐT Thủ đô còn thiếu hiệu quả, chưa tập trung cao cho những mục tiêu ưu tiên.

b. Khoa học và công nghệ

*** Kết quả đạt được**

Đã triển khai thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về khoa học và công nghệ, như: Dự án Khu Công nghệ Hà Nội; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên; Dự án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu dịch vụ chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc; Dự án Trung tâm Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm tại xã Mai Lâm - huyện Đông Anh.

*** Tồn tại, hạn chế**

Hệ thống hạ tầng khoa học và công nghệ, đặc biệt là các cơ sở nghiên cứu của Hà Nội còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu chưa đồng bộ. Hà Nội chưa có cơ sở thí nghiệm đủ mạnh để giải quyết các vấn đề bức xúc như ô nhiễm nguồn nước, đất gây ảnh hưởng tới tình hình sản xuất của nhân dân như một số vụ việc xảy ra gần đây.

9. Hạ tầng y tế

u. Các cơ sở khám chữa bệnh do Bộ Y tế và các Bộ, ngành quản lý

Hiện tại trên địa bàn Thành phố Hà Nội

có 32 cơ sở y tế do Bộ Y tế quản lý, trong đó có: 16 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa có tổng diện tích 51,93 ha với 6.680 giường bệnh, Các bệnh viện thuộc tuyến Trung ương tập trung hầu hết tại các quận nội thành; 16 viện nghiên cứu và thực nghiệm y được, trong đó có 8 cơ sở nghiên cứu có thực nghiệm điều trị với 1.030 giường bệnh.

Có 09 bệnh viện và trung tâm khám chữa bệnh thuộc các Bộ, Ngành với tổng số 1.250 giường bệnh, bên cạnh đó còn có 15 bệnh viện và viện thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng với 3.830 giường bệnh. Theo kết quả điều tra của nhóm công trình tại các bệnh viện thì 20,0-25,0% số giường bệnh của các bệnh viện tuyến TW và bệnh viện do các Bộ, ngành quản lý phục vụ nhân dân Hà Nội. Việc tập trung mật độ cao các bệnh viện tuyến Trung ương trong nội thành với số lượng rất lớn bệnh nhân từ các tỉnh đến chữa bệnh đã gây áp lực đến cơ sở hạ tầng và môi trường khu vực trung tâm Hà Nội.

b. Các cơ sở y tế trực thuộc Thành phố Hà Nội

*** Tuyến Thành phố**

Thành phố Hà Nội hiện có 40 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, có tổng diện tích 68,91 ha với 8.025 giường bệnh, trong đó: 24 bệnh viện đa khoa (11 Bệnh viện Đa khoa Thành phố, 13 Bệnh viện Đa khoa huyện) và 16 bệnh viện chuyên khoa. Ngoài ra còn có 19 trung tâm chuyên khoa, bao gồm các lĩnh vực y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kiểm dịch y tế quốc tế, giám định y khoa...

*** Tuyến quận, huyện, xã, phường, thị trấn**

Hà Nội có 29 trung tâm y tế quận, huyện, thị xã, 43 phòng khám đa khoa và 04 nhà hộ sinh. Với 577 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Mạng lưới hầu như phủ khắp địa bàn. Tuy nhiên cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân

lực y tế hiện nay vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu của nhân dân, đặc biệt các xã ngoại thành. Trên địa bàn Thành phố có 562/577 trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế (97,4%). Trong giai đoạn tiếp theo, Ngành Y tế sẽ tiến hành rà soát, duy trì các trạm y tế đã đạt chuẩn và hoàn thành chỉ tiêu 100% các trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia.

*** Y tế tư nhân**

Hà Nội có 23 bệnh viện tư nhân với tổng số 630 giường bệnh. 254 phòng khám da khoa, trong đó có 3 phòng khám vốn đầu tư nước ngoài; 1.630 phòng khám chuyên khoa; 300 cơ sở tư nhân làm dịch vụ y tế.

*** Một số khó khăn, tồn tại:**

- Tổng diện tích đất sử dụng của 32 cơ sở y tế do Trung ương quản lý khoảng 67,36 ha đất, trong đó: khối bệnh viện Trung ương có 45,23 ha; khối các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo có 22,13 ha. Đối chiếu với các quy chuẩn do Nhà nước ban hành còn thiếu khoảng 20 ha (45,23ha/6.140giường bệnh).

Các bệnh viện và trung tâm chuyên khoa có giường bệnh trực thuộc Thành phố Hà Nội hiện sử dụng: 41,1 ha đất (Các bệnh viện và trung tâm chuyên khoa: 39,1 ha và các cơ sở đào tạo: 2 ha). So với quy chuẩn về diện tích còn thiếu khoảng 54 ha (trong đó đất/giường bệnh với số giường hiện có thiếu khoảng 40 ha đất; đất/số học sinh với số học sinh đang đào tạo tại các Cao đẳng y dược Hà Nội còn thiếu khoảng 14 ha đất). Đối với các bệnh viện đa khoa tư nhân trực thuộc Thành phố với 415 giường bệnh, hiện đang sử dụng 1,7 ha, so với quy chuẩn Nhà nước quy định còn thiếu khoảng 2,5 ha đất.

- Mạng lưới khám chữa bệnh công lập: Các bệnh viện nhất là các bệnh viện chuyên khoa có kỹ thuật cao chủ yếu tập trung ở

khu vực nội thành. Trong khi đó nhiều khu vực đô thị mới đã hình thành chưa có các bệnh viện và cơ sở y tế phát triển tương xứng.

- Phân bố mạng lưới và phạm vi phục vụ của hệ thống cơ sở khám chữa bệnh còn bất cập: Mật độ các bệnh viện bao gồm tuyến thành phố (tuyến 2) và tuyến Trung ương (tuyến 3) tập trung quá nhiều khu vực nội thành;

- Sự quá tải tại các bệnh viện Trung ương và Thành phố, nhiều bệnh viện da khoa, chuyên khoa tuyến 3 quá tải trầm trọng, phần lớn công suất sử dụng giường bệnh đạt từ 150,0 – 180,0%, thậm chí có bệnh viện đạt trên 200,0%;

- Phần lớn các bệnh viện tại Hà Nội có qui mô diện tích nhỏ và rất nhỏ; Diện tích trung bình còn thiếu so với tiêu chuẩn quy định 100 m²/giường bệnh;

- Trang thiết bị tuy đã được đầu tư nâng cấp, song nhìn chung trang thiết bị tại một số bệnh viện vẫn chưa đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

Mạng lưới khám chữa bệnh ngoài công lập: các bệnh viện tư nhân hiện có chủ yếu tập trung tại khu vực nội đô. Bên cạnh đó, các dự án bệnh viện tư nhân chủ yếu tập trung vào các khu vực phát triển mở rộng của đô thị trung tâm như Từ Liêm, Hà Đông... Hầu hết các huyện xa trung tâm Hà Nội chưa được các nhà đầu tư chú ý. Số lượng các Bệnh viện tư nhân còn hạn chế, hiện nay chỉ có 23 cơ sở với 630 giường bệnh chưa đáp ứng được mục tiêu phục vụ 20-30% nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân Thủ đô.

10. Hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

a. Những kết quả đạt được

* *Kết quả đạt được trong việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng văn hóa*

- Đã hình thành hệ thống các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa cấp thành phố đến cấp thôn làng, ngoài ra trong mấy năm gần đây nhiều nhà văn hóa của cụm dân cư, của các trường đại học, các bộ ngành trung ương đóng trên địa bàn cũng được hình thành và phát triển; hệ thống thư viện thành phố đến thư viện xã, phường và thư viện của các trường đại học các Bộ, ngành.

- Xây dựng, cải tạo một số rạp hát, rạp chiếu phim như: rạp Công Nhân, rạp Đại Nam, rạp chiếu bóng Kim Đồng (19 Hàng Bài).

- Toàn thành phố có 2 trung tâm triển lãm do Bộ VH-TT-DL quản lý, 1 trung tâm do Bộ NN-PTNT quản lý, 2 địa điểm triển lãm do Thành phố quản lý tại 45 Tràng Tiền và 93 Đinh Tiên Hoàng.

- Hệ thống Bảo tàng: năm 2010 đã hoàn thành xây dựng Bảo tàng Hà Nội, một bảo tàng lớn và hiện đại nhất thành phố, cùng với các bảo tàng của thành phố và cơ quan TW, một số Bảo tàng tư nhân cũng được thành lập và đi vào hoạt động, ngoài ra còn có hệ thống các phòng truyền thống và nhà lưu niệm.

- Xây dựng một số tượng đài mới như: Tượng đài Vua Lý Thái Tổ, Tượng đài Thánh Dóng, Tượng đài Bác Hồ - Bác Tôn, Tượng đài Hòa Bình ...

** Kết quả đạt được trong việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thể thao*

- Hệ thống các trung tâm thể thao: đã hình thành được hệ thống cơ sở thể thao từ cấp thành phố đến quận, huyện, ngoài ra còn có các khu thể thao của các cơ quan TW, các Bộ, ngành. Toàn thành phố có nhiều các cơ sở dịch vụ thể thao như: bể bơi, trung tâm phục hồi sức khỏe và luyện tập thể thao... của các tổ chức và tư nhân mở ra kinh doanh có hiệu quả.

- Hệ thống các sân bãi thể thao như: sân tập tennis, sân gôn, sân cầu lông, sân bóng đá... đang phát triển nhiều.

** Kết quả đạt được trong việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng du lịch*

- Mạng lưới giao thông thành phố phát triển mạnh trong những năm gần đây, các tuyến xe công cộng ngày càng được mở rộng, đặc biệt là sau khi hợp nhất và mở rộng Thành phố Hà Nội.

- Có xu hướng phát triển nhanh với 1.751 cơ sở lưu trú với hơn 50.444 buồng trong đó có 229 cơ sở đã được thẩm định đạt tiêu chuẩn theo qui định chiếm 13,07% với 11.918, trong đó khách sạn có 21 khách sạn 4-5 sao với hơn 5.500 buồng.

- Cơ sở dịch vụ ăn uống, ẩm thực: phát triển khá mạnh đặc biệt là nhà hàng ăn nhanh trong các trung tâm thương mại.

- Các cơ sở mua sắm, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ có liên quan: phát triển mạng tính tự phát, qui mô nhỏ, lẻ không theo qui hoạch chung.

- Các cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí văn hóa thể thao: tuy có phát triển nhưng không đồng bộ, chất lượng của các cơ sở chưa cao.

b. Tồn tại, hạn chế

** Về hệ thống kết cấu hạ tầng văn hóa*

- Hệ thống kết cấu hạ tầng văn hóa của Thành phố còn thiếu, những cơ sở đã có đang xuống cấp trầm trọng. Trung tâm cấp thành phố hiện tại chỉ có duy nhất trung tâm văn hóa tại số 4 phố Trần Phú - Hà Đông (được xây dựng từ những năm 60 nay đã xuống cấp nhưng chưa được cải tạo) còn đang hoạt động. Hệ thống các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa quận huyện hiện có 3/29 quận huyện chưa có nhà văn hóa hoặc trung tâm văn hóa, có 123/567 xã phường chưa có nhà văn hóa. Nhà văn hóa hoặc trung tâm

văn hóa tại các khu đô thị mới, các khu dự án đang xây dựng chưa được chú trọng đầu tư.

- Các rạp hát chưa (được xây dựng mới chỉ cải tạo lại các địa điểm rạp cũ có diện tích nhỏ lại tập trung trong khu vực nội thành, vì vậy chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân đặc biệt là lớp thanh thiếu niên; các rạp chiếu phim đã được các tổ chức doanh nghiệp chú ý đầu tư song cũng chỉ tập trung khu vực nội thành, các cơ sở của nhà nước do trang thiết bị kém nên hiệu quả khai thác và sử dụng không cao.

- Hệ thống thư viện của thành phố quản lý chậm phát triển về số lượng, chất lượng hạn chế, chậm đổi mới về phương thức hoạt động chưa đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc.

- Bảo tàng Hà Nội tuy có qui mô lớn nhưng chưa hoàn thiện về nội dung trưng bày nên việc phát huy hiệu quả còn nhiều hạn chế. Các bảo tàng tư nhân chưa phát triển. Nhà lưu niệm và phòng truyền thống còn nghèo nàn cả về hình thức lẫn nội dung.

- Hệ thống nhà trưng bày triển lãm: cơ sở do thành phố quản lý nguyên là một số nhà có qui mô nhỏ, nằm trong khu vực trung tâm thành phố do đó vừa không đáp ứng được yêu cầu đồng bộ của khu vực trưng bày triển lãm vừa không đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Hệ thống tượng đài mới chỉ được đầu tư xây dựng tượng đài danh nhân, ít tượng đài mỹ thuật.

* Về hệ thống kết cấu hạ tầng thể thao

- Kết cấu hạ tầng thể thao cấp thành phố

tuy được đầu tư trên qui mô lớn song chưa hoàn thiện như: khu thể thao Mỹ Đình, khu thể thao Quần Ngựa, các cơ sở thể thao đã được đầu tư trước đây xuống cấp.

- Hệ thống cơ sở dịch vụ thể thao do các doanh nghiệp, tư nhân đầu tư nhiều cơ sở không đảm bảo chất lượng kỹ thuật và chưa được quản lý chặt chẽ

* Về hệ thống kết cấu hạ tầng du lịch

Hệ thống giao thông phục vụ cho du lịch: hệ thống giao thông nối liền các điểm du lịch cũng như hệ thống giao thông đến các điểm du lịch còn nhiều hạn chế, đặc biệt là giao thông đến với các khu du lịch sinh thái tại huyện Ba Vì, Sơn Tây. Mặt khác phương tiện giao thông công cộng chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch nhất là khách du lịch nội địa.

- Các địa điểm du lịch chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đảm bảo tốt được môi trường sinh thái.

- Các cơ sở lưu trú tuy nhiều về số lượng nhưng các khách sạn cao sao không nhiều, chất lượng nhìn chung chưa cao.

- Toàn thành phố thiếu các cơ sở phục vụ khách du lịch tham quan, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí và thưởng thức nghệ thuật, phân bố không hợp lý, chưa theo qui hoạch, chưa phong phú thiếu hấp dẫn, ảnh hưởng đến trật tự đô thị chưa thu hút được khách du lịch và khiến số ngày lưu trú của khách du lịch còn thấp./

(Nguồn số liệu được tổng hợp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và Cục thống kê Hà Nội)